

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64 /2020/HS-ST

Ngày 29 - 10 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Minh Sứ

Ông Đỗ Trọng Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2020;

Đối với bị cáo: **Phạm Văn T**, sinh năm 2001 tại: Xã T, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị T; đang chung sống như vợ chồng với chị Trịnh Thị A và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ tạm giam ngày từ ngày 07/8/2020; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đào Kim H, sinh năm 1960. vắng mặt

Trú tại: thôn Q, xã X, huyện T, T.

2. Ông Trịnh Thanh T, sinh năm 1976. có mặt

Trú tại: thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh T.

- Người làm chứng:

1. Ông Lê Đức T, sinh năm 1987. vắng mặt
Trú tại: Khu 3, thị trấn L, huyện T, tỉnh T;
2. Ông Hồ Xuân Nh, sinh năm 1962. vắng mặt
Trú tại: Thôn L, thị trấn L, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 07/8/2020, tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện T do đồng chí Nguyễn Hải Đăng chỉ huy đang làm nhiệm vụ tại thị trấn L, huyện T, tỉnh T phát hiện bắt quả tang Phạm Văn T tàng trữ trái phép chất ma túy. Tiến hành kiểm tra, phát hiện trong túi áo của Phạm Văn T đang mặc 01 gói nilong màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng dạng tinh thể. T khai nhận đó là ma túy đá cất giữ nhằm mục đích sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong toàn bộ vật chứng trên trong phong bì ký hiệu M

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn T tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh T, Cơ quan điều tra không phát hiện và thu giữ gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành trưng cầu giám định đối với số ma túy đã thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 2172/PC09 ngày 12/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: Chất bột màu trắng dạng tinh thể của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, có tổng trọng lượng 0,284g loại Methamphetamine.

Về nguồn gốc số ma túy trên Phạm Văn T khai nhận mua của một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ tại khu vực cầu L thuộc thị trấn L, huyện T vào ngày 07/8/2020 với giá 300.000đ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa có kết quả.

Ông Trịnh Thanh T cho Phạm Văn T mượn xe máy nhãn hiệu Honda Wave S biển kiểm soát 36P3-2275 sử dụng trong ngày 07/8/2020 không biết T sử dụng xe để đi mua ma túy về sử dụng nên không có căn cứ xử lý, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông T là đúng quy định.

Vật chứng vụ án: Toàn bộ bao gói mở niêm phong và 0,261g chất bột màu trắng dạng tinh thể là mẫu vật còn lại sau giám định đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T phát hành

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKSTX ngày 28/9/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị cáo Phạm Văn T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về hình phạt đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 18 đến 22 tháng tù. Về vật chứng đề nghị: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói mở niêm phong và số Methamphetamine còn lại sau giám định;

Về án phí đề nghị: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin được giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 07/8/2020 Phạm Văn T đã có hành vi cất giấu 0,284 gam ma túy, loại Methamphetamine ở trong túi áo với mục đích để sử dụng cá nhân, thì bị phát hiện bắt quả tang.

Bị cáo Phạm Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi do cố ý. Do đó, hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ

luật hình sự; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tính chất vụ án là nghiêm trọng; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, đồng thời gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân. Ma túy không những làm hủy hoại đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập... ; mà còn là điều kiện nảy sinh, lan truyền đại dịch HIV/AIDS. Tội phạm về ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác, đã và đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế, xã hội và an ninh trật tự. Bị cáo đã trưởng thành, nhận thức được mức độ sai trái của hành vi bản thân gây ra, nhưng do không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, mà sống buông thả dẫn đến nghiện chất ma túy và đã bất chấp pháp luật để phạm tội. Vì vậy cần phải xử lý vụ án nghiêm minh, bắt cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân: Bị cáo Tú chưa có tiền án tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ *“thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: cần thiết phải xử phạt bị cáo Phạm Văn T bằng hình phạt tù nghiêm minh như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không phải chịu tình tiết tăng nặng, nên xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo T là đối tượng nghiện chất ma túy, hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án:

Toàn bộ bao gói mở niêm phong và 0,261g Methamphetamine còn lại sau giám định được đựng trong 01 phong bì niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T phát hành là vật cấm lưu hành, nên cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE S, biển kiểm soát 36P3-2275. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu của ông Trịnh Thanh T là bố vợ chưa đăng ký kết hôn của bị cáo, ông T không biết bị cáo mượn xe sử dụng vào việc phạm tội, nên không có căn cứ xử lý, cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T là đúng quy định.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về các tình tiết liên quan đến vụ án: Bị cáo T khai nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là do bị cáo mua của một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ vào chiều ngày 07/8/2020 với giá 300.000 đồng. Tuy nhiên quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định được người bán ma túy cho T, nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/8/2020.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ bao gói mở niêm phong và 0,261g Methamphetamine còn lại sau giám định, được đựng trong 01 phong bì niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T phát hành.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, theo Biên bản giao nhận vật chứng số 62 ngày 28/9/2020.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Hồng Đức

